

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 – KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2025/DS-ST.

Ngày: 26 - 9 - 2025.

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay có cầm cố tài sản*”

và “*Tranh chấp hợp đồng mượn tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Đình Nguyên.

Bà Dương Thị Mỹ Linh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Châu Nguyễn Đoàn Trang - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 – Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Bà Lê Nguyễn Tường Vy - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 – Khánh Hòa xét xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số: 482/2024/TLST-DS ngày 25 tháng 10 năm 2024 về “*Tranh chấp hợp đồng vay có cầm cố tài sản*” và “*Tranh chấp hợp đồng mượn tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2025/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 8 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 34/2025/QĐST-DS ngày 08 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Công ty Cổ phần S.

Địa chỉ trụ sở chính: Số 128 Nguyễn D, phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An(Nay là số 128 đường Nguyễn D, phường TV, tỉnh Nghệ An).

Người đại diện theo pháp luật: Ông KANORWATPAISAL NAPA - Sinh năm 1972 - Chức danh: Giám đốc.

Địa chỉ liên lạc: Số 928 đường Lạc Long Q, phường 8, quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh (Nay là Số 928 đường Lạc Long Q, phường Tân H, thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Hoàn T - Sinh năm 1996; Chức vụ:

Nhân viên Công ty Cổ phần S (Theo Giấy ủy quyền số 236/2023/UQ-SVN ngày 25/10/2023) (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Số 273 Ngô G, phường T1, thành phố PR, tỉnh Ninh Thuận (Nay là Số 273 Ngô G, phường R, tỉnh Khánh Hòa).

2/ Bị đơn: Bà Võ Thị Quỳnh A - Sinh năm 1973 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố 7, phường V, thành phố PR, tỉnh Ninh Thuận (Nay là phường Ninh C, tỉnh Khánh Hòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện của nguyên đơn, trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Lê Hoàn T trình bày:

Công ty Cổ phần S (Viết tắt là Công ty S) không được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp phép hoạt động nên không hoạt động kinh doanh theo Luật các tổ chức tín dụng và các Văn bản hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đối với các tổ chức tín dụng phi Ngân hàng. Công ty S chỉ được Phòng đăng ký kinh doanh - Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Nghệ An cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 27/3/2024.

Công ty S có các tên ngành đăng ký theo “Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp” số 5942/24 ngày 22/3/2024 của Phòng đăng ký kinh doanh - Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Nghệ An. Theo đó, thông tin của doanh nghiệp (Công ty S) được cập nhật vào hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp gồm ngành nghề kinh doanh, mã ngành và kinh doanh đúng các ngành nghề đã đăng ký; trong đó có ngành chính là “Dịch vụ cầm đồ” theo mã ngành 6492.

Vào ngày 13/11/2020 Bà Võ Thị Quỳnh A có đến Công ty Cổ phần S chi nhánh văn phòng đại diện chi nhánh Ninh Thuận - Phan Rang 1 của công ty tại địa chỉ Số 273 Ngô G, phường T1, thành phố PR, tỉnh Ninh Thuận (Nay là Số 273 Ngô G, phường R, tỉnh Khánh Hòa) để ký hợp đồng cầm cố tài sản số: PRM201101012NA15X với tài sản cầm cố là xe mô tô biển số 85B1-377.82, nhãn hiệu HONDA PCX 125cc màu đen; số khung 5605EY010216; số máy 56E0018128 cùng với giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số (85) 000295, do Công an tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 09/04/2015 để cầm cố vay với số tiền là 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng); Thời hạn cầm cố là 12 tháng (Từ ngày 13/11/2020 đến 13/11/2021) với mức lãi suất là 1,1%/tháng.

Sau khi hợp đồng cầm cố được ký kết, Công ty Cổ phần S đã giải ngân đầy đủ số tiền theo hợp đồng cho bà Võ Thị Quỳnh A. Tuy nhiên, do nhu cầu cần có xe để đi lại hàng ngày nên Công ty Cổ phần S có ký giấy cho bà Võ Thị Quỳnh A mượn lại

xe để sử dụng. Trong giấy mượn xe có quy định rõ thời hạn mượn xe (từ 13/11/2020 đến 13/12/2020).

Trong quá trình thực hiện hợp đồng bà Võ Thị Quỳnh A không thực hiện đúng các cam kết tại hợp đồng đã ký kết với công ty, không trả tiền gốc, tiền lãi đúng hạn và cũng không trả lại xe mô tô biển số 85B1-377.82, nhãn hiệu HONDA PCX 125cc màu đen theo đúng thỏa thuận trong giấy mượn xe. Tính đến thời điểm khởi kiện, bà Võ Thị Quỳnh A chỉ mới thanh toán cho Công ty Cổ phần S được 05 kì tổng số tiền bao gồm gốc lãi phí là 8.529.000đ (*Tám triệu năm trăm hai mươi chín nghìn đồng*). Trong đó, tiền gốc 5.187.533đ, tiền lãi trong hạn 716.545đ; phí thẩm định tài sản: 2.605.618đ, lãi quá hạn 19.304đ cụ thể như sau:

- Ngày 14/12/2020 khách hàng thanh toán 1.702.000 đồng.
- Ngày 14/01/2021 khách hàng thanh toán 1.702.000 đồng.
- Ngày 21/02/2021 khách hàng thanh toán 1.721.000 đồng.
- Ngày 15/03/2021 khách hàng thanh toán 1.702.000 đồng.
- Ngày 17/04/2021 khách hàng thanh toán 1.702.000 đồng.

Công ty Cổ phần S đã nhiều lần tạo điều kiện để bà Võ Thị Quỳnh A thanh toán nợ, tuy nhiên bà Võ Thị Quỳnh A vẫn không hợp tác. Vì vậy, Công ty Cổ phần S tiến hành khởi kiện bà Võ Thị Quỳnh A ra Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận (*Nay là Tòa án nhân dân khu vực 5 – Khánh Hòa*).

Tại đơn khởi kiện 03/10/2024 Công ty Cổ phần S yêu cầu bà Võ Thị Quỳnh A phải giao trả lại chiếc xe mô tô biển số 85B1-377.82, nhãn hiệu HONDA PCX 125cc màu đen; số khung 5605EY010216; Số máy 56E0018128 theo hợp đồng cầm cố, kèm giấy mượn xe đã ký với Công ty Cổ phần S. Trường hợp bà Võ Thị Quỳnh A không thể trả lại xe cầm cố thì phải có nghĩa vụ thanh toán cả gốc và lãi và các khoản phí theo đúng hợp đồng cầm cố tài sản với khoản tiền 30.115.000,00đ (Ba mươi triệu một trăm mười lăm nghìn đồng) cho Công ty Cổ phần S.

Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án Công ty Cổ phần S xin thay đổi yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu bà Võ Thị Quỳnh A phải giao trả lại chiếc xe mô tô biển số 85B1-377.82, nhãn hiệu HONDA PCX 125cc màu đen; số khung 5605EY010216; số máy 56E0018128 kèm giấy mượn xe đã ký cho Công ty Cổ phần S mà chỉ yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết: Buộc bà Võ Thị Quỳnh A phải thanh toán số tiền gốc và lãi phát sinh tính đến ngày xét xử (*Ngày 26/9/2025*) là **18.366.561^d** (*Mười tám triệu ba trăm sáu mươi sáu nghìn năm trăm sáu mươi một đồng*); Bao gồm các khoản:

- Nợ gốc 9.812.467đ (*Chín triệu tám trăm mười hai nghìn bốn trăm sáu mươi bảy đồng*);

- Nợ lãi trong hạn (1,1%) = 452.180đ (*Bốn trăm năm mươi hai nghìn một trăm tám mươi đồng*);

- Nợ lãi quá hạn (150%) = 8.100.914^d (*Tám triệu một trăm nghìn chín trăm*

mười bốn đồng).

- Buộc bà Võ Thị Quỳnh A phải tiếp tục chịu lãi suất phát sinh theo hợp đồng đã ký kể từ ngày 27/9/2025 cho đến khi thanh toán xong nợ.

Khi nào bà Võ Thị Quỳnh A thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ, Công ty Cổ phần S sẽ giao trả Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số: 000295 do Công an tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 09/04/2015 cho bà Võ Thị Quỳnh A và thực hiện thủ tục xóa đăng ký tài sản bảo đảm theo quy định của pháp luật.

*** Bị đơn là bà Võ Thị Quỳnh A:** Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án; Tòa án đã thông báo, tổng đạt đầy đủ hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bà Võ Thị Quỳnh A không đến Tòa án làm việc và cũng không có ý kiến phản hồi gì liên quan đến tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp; vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

**** Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:***

Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng của đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng và có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt; Bị đơn mặc dù đã được thông báo, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân khu vực 5 – Khánh Hòa chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe Đại diện viện kiểm sát phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thay đổi yêu cầu khởi kiện: Tại đơn khởi kiện, Công ty S yêu cầu bà Võ Thị Quỳnh A phải trả lại xe máy đã mượn theo “Giấy mượn xe” mà hai bên đã ký kết; nếu bà Võ Thị Quỳnh A không thể trả lại xe máy thì phải trả số tiền gốc, lãi và các khoản phí còn nợ theo Hợp đồng cầm cố tài sản. Đến phiên hòa giải ngày 15/8/2025 cũng như bản trình bày yêu cầu ngày 26/9/2025 nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu bà Võ Thị Quỳnh A phải trả chiếc xe máy đã mượn chỉ

phải trả số tiền gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn. Hội đồng xét xử xác định việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên căn cứ vào Điều 244 của Bộ Luật tố tụng dân sự, chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[1.2] Về xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Căn cứ yêu cầu khởi kiện, lời trình bày của đương sự, các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện: bà Võ Thị Quỳnh A cầm cố xe máy cho Công ty S để nhận tiền, ngay sau đó lập giấy mượn xe đã cầm cố để dùng làm phương tiện đi lại. Như vậy, bản chất của giao dịch dân sự lập “Hợp đồng cầm cố” và “Giấy mượn xe” giữa Công ty S và bà Võ Thị Quỳnh A là để che đậy mục đích thật sự là “*Vay tiền*”. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng vay có cầm cố tài sản*” và “*Tranh chấp hợp đồng mượn tài sản*”. Bị đơn có địa chỉ tại khu phố 7, phường V, thành phố PR, tỉnh Ninh Thuận (Nay là phường Ninh C, tỉnh Khánh Hòa) nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Khánh Hòa theo khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hoà giải, đối thoại tại Tòa án; điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân; Nghị quyết số 81/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực;

[1.3] Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn Công ty Cổ phần S có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn bà Võ Thị Quỳnh A mặc dù đã được Tòa án thực hiện đầy đủ thủ tục tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án tham gia tố tụng, vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần S, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[2.1] Đối với nội dung vay có cầm cố tài sản: Công ty S cho bà Võ Thị Quỳnh A vay tiền có cầm cố tài sản là chiếc xe máy thuộc quyền sở hữu của bà Võ Thị Quỳnh A để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Tuy nhiên, việc cho vay và cầm cố tài

sản các bên không lập thành từng hợp đồng riêng biệt mà lập chung một hợp đồng có tiêu đề là “Hợp đồng cầm cố” và có mục “lưu ý cho khách hàng cầm cố” kèm theo (*Gọi tắt là Hợp đồng cầm cố*). Trong Hợp đồng cầm cố các bên thỏa thuận số tiền vay, lãi suất, thời hạn, phương thức thanh toán, phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại và các khoản phí liên quan đến cầm cố tài sản. Căn cứ các chứng cứ, tài liệu và lời khai nguyên đơn cung cấp; Hội đồng xét xử nhận thấy:

Ngày 13/11/2020, giữa bà Võ Thị Quỳnh A và Công ty S ký kết Hợp đồng cầm cố. Căn cứ nhu cầu và trị giá tài sản cầm cố của bà Võ Thị Quỳnh A; Công ty S đã nhận cầm cố chiếc xe mô tô biển số 85B1- 377.82 nhãn hiệu HONDA PCX 125cc và cho bà Võ Thị Quỳnh A vay số tiền 15.000.000 đồng (*mười lăm triệu đồng*). Hai bên thỏa thuận thời hạn vay là 12 tháng, lãi suất cho vay cố định là 1,1%/tháng trên dư nợ thực tế tính từ ngày ký hợp đồng và nhận tiền (*Ngày 13/11/2020*); bà Võ Thị Quỳnh A có nghĩa vụ trả tiền vào ngày 13 của tháng, từ tháng 12/2020 đến tháng 11/2021; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Hợp đồng cầm cố giữa Công ty S và bà Võ Thị Quỳnh A được ký kết trên cơ sở tự nguyện, mục đích, nội dung và hình thức đúng quy định của pháp luật nên xác định là Hợp đồng hợp pháp; là cơ sở để giải quyết quyền và nghĩa vụ giữa các bên.

Quá trình thực hiện Hợp đồng cầm cố, bà Võ Thị Quỳnh A chỉ mới thanh toán được 5 kỳ tổng số tiền bao gồm gốc, lãi và phí là 8.529.000đ (*Tám triệu năm trăm hai mươi chín nghìn đồng*). Trong đó, tiền gốc 5.187.533đ, tiền lãi trong hạn 716.545đ; phí thẩm định tài sản: 2.605.618đ, lãi quá hạn 19.304đ cụ thể:

- Ngày 14/12/2020 khách hàng thanh toán 1.702.000 đồng.
- Ngày 14/01/2021 khách hàng thanh toán 1.702.000 đồng.
- Ngày 21/02/2021 khách hàng thanh toán 1.721.000 đồng.
- Ngày 15/03/2021 khách hàng thanh toán 1.702.000 đồng.
- Ngày 17/04/2021 khách hàng thanh toán 1.702.000 đồng.

Sau đó bà Võ Thị Quỳnh A không thanh toán bất kỳ khoản tiền nào cho Công ty S nữa. Căn cứ các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp, xác định tính đến ngày xét xử sơ thẩm (*Ngày 26/9/2025*) bà Võ Thị Quỳnh A còn phải thanh toán cho Công ty S là **18.366.561đ** (*Mười tám triệu ba trăm sáu mươi sáu nghìn năm trăm sáu mươi mốt đồng*); Bao gồm các khoản:

- Nợ gốc 9.812.467đ (*Chín triệu tám trăm mười hai nghìn bốn trăm sáu mươi bảy đồng*);

- Nợ lãi trong hạn (1,1%)= 452.180đ (*Bốn trăm năm mươi hai nghìn một trăm tám mươi đồng*);

- Nợ lãi quá hạn (150%) = 8.100.914đ (*Tám triệu một trăm nghìn chín trăm mười bốn đồng*).

Hội đồng xét xử thấy rằng: Việc tính tiền lãi suất trong hạn và lãi suất quá hạn của Công ty S là có căn cứ và phù hợp với các thỏa thuận của các bên trong hợp đồng và không trái với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Để bảo đảm cho khoản vay, bà Võ Thị Quỳnh A đã cầm cố chiếc xe mô tô biển số 85B1- 377.82 nhãn hiệu HONDA PCX 125cc thuộc sở hữu của bà Võ Thị Quỳnh A cho Công ty S. Tài sản cầm cố đã được đăng ký biện pháp bảo đảm hợp đồng trên hệ thống đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm đối với tài sản cầm cố. Khi nào bà Võ Thị Quỳnh A thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ, Công ty Cổ phần S phải giao trả Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số: 000295 do Công an tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 09/4/2015 cho bà Võ Thị Quỳnh A và thực hiện thủ tục xóa đăng ký tài sản bảo đảm theo quy định của pháp luật.

[2.2] Đối với nội dung mượn tài sản và các khoản phí đã thỏa thuận trong hợp đồng: Theo các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp, Hội đồng xét xử thấy, ngày 13/11/2020, bà Võ Thị Quỳnh A đã lập “Giấy ủy quyền” để ủy quyền cho Công ty S với nội dung: *“Bên nhận ủy quyền được thay mặt bên ủy quyền quản lý, sử dụng và định đoạt (cho thuê, bán) chiếc xe mang biển số 85B1- 377.82”*. Do bà Võ Thị Quỳnh A không có phương tiện đi lại để phục vụ công việc cá nhân nên cũng trong ngày 13/11/2020; bà Võ Thị Quỳnh A đã lập “Giấy mượn xe” xin mượn lại chiếc xe mang biển số 85B1- 377.82 đã được cầm cố trong thời hạn 30 ngày từ ngày 13/11/2020 đến ngày 13/12/2020 và Công ty S đã đồng ý bàn giao tài sản cầm cố trên cho bà Võ Thị Quỳnh A mượn. Việc các bên thỏa thuận cho mượn lại tài sản cầm cố và thỏa thuận các khoản phí trong hợp đồng là sự tự nguyện của các bên tham gia giao dịch, không bị pháp luật cấm tại thời điểm thỏa thuận. Trong quá trình giải quyết vụ án các bên không có ý kiến hoặc khiếu nại gì đối với khoản phí mà bà Võ Thị Quỳnh A đã trả cho Công ty S. Hơn nữa, hiện nay Công ty S cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với các khoản phí này nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét, giải quyết.

Chiếc xe mô tô biển số 85B1- 377.82 nhãn hiệu HONDA PCX 125cc, Công ty S đã giao cho bà Võ Thị Quỳnh A quản lý, sử dụng khi hai bên lập “Giấy mượn xe” và hiện nay, Công ty S không yêu cầu bà Võ Thị Quỳnh A phải trả lại xe nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà Võ Thị Quỳnh A, có nội dung thể hiện yêu cầu khởi kiện của Công ty S đối với bà Võ Thị Quỳnh A nhưng bà Võ Thị Quỳnh A không có văn bản trình bày ý kiến và cũng không phản đối những tình tiết, sự kiện cũng như những tài liệu, chứng cứ do Công ty S xuất trình nên có cơ sở khẳng định bà Võ Thị Quỳnh A đã từ bỏ quyền của mình được pháp luật quy định.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa sơ thẩm là phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên Công ty S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn lại số tiền đã tạm ứng án phí đã nộp; bị đơn bà Võ Thị Quỳnh A phải chịu 918.328đ (*Chín trăm mười tám nghìn ba trăm hai mươi tám đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228; Điều 244; Điều 271, Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự. Các Điều 309, 310, 311, 313, 316, 375, 463, 466, 468, 470, 494, 496, 497 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần S.

1./ Buộc bà Võ Thị Quỳnh A phải trả cho Công ty Cổ phần S tổng số tiền tính đến ngày 26/9/2025 là là **18.366.561^d** (*Mười tám triệu ba trăm sáu mươi sáu nghìn năm trăm sáu mươi một đồng*); Trong đó: Nợ gốc 9.812.467^d (*Chín triệu tám trăm mười hai nghìn bốn trăm sáu mươi bảy đồng*); Nợ lãi trong hạn 452.180^d (*Bốn trăm năm mươi hai nghìn một trăm tám mươi đồng*); Nợ lãi quá hạn 8.100.914^d (*Tám triệu một trăm nghìn chín trăm mười bốn đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 27/9/2025) cho đến khi thi hành án xong; bà Võ Thị Quỳnh A còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với khoản tiền nợ gốc theo mức lãi suất mà Công ty Cổ phần S và bà Võ Thị Quỳnh A đã thỏa thuận trong các hợp đồng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

Ngay sau khi bà Võ Thị Quỳnh A thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ, Công ty Cổ phần S có nghĩa vụ giao trả Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số: 000295 do Công an tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 09/04/2015 cho bà Võ Thị Quỳnh A và thực hiện thủ tục xóa đăng ký tài sản bảo đảm theo quy định của pháp luật.

2./ Về án phí:

- Bà Võ Thị Quỳnh A phải chịu 918.328đ (*Chín trăm mười tám nghìn ba trăm hai mươi tám đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

- Công ty Cổ phần S không phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho Công ty Cổ phần S số tiền 753.000^d (Bảy trăm năm mươi ba nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0003280 ngày 18/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố PR, tỉnh Ninh Thuận (Nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 5 – Khánh Hòa).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì Người được thi hành án dân sự, Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

3./ Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm, công khai vắng mặt nguyên đơn và bị đơn, quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND khu vực 5 - Khánh Hòa;
- THADS tỉnh Khánh Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trịnh Thị Hồng